

Số: 538/QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về điều kiện và mức học bổng khuyến khích học tập II năm học 2014 - 2015
cho sinh viên Đại học chính quy khóa 66, 67, 68, 69**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ Y tế về việc thành lập trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ và thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 28/03/2002 của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính về việc điều chỉnh mức trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập;

Căn cứ thông tư liên tịch số 16/2006/TTLT/BLĐTBXH-BGD&ĐT-BTC ngày 20/11/2006 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ;

Căn cứ thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT/BGD&ĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/04/2008 của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào thông tư số 29/2010/ TTLT/BGD&ĐT- BTC-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ quyết định số 682/QĐ-DHN ngày 11 tháng 9 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Dược Hà Nội về việc quy định mức thu học phí, kinh phí đào tạo đối với học viên sau đại học, sinh viên đại học và cao đẳng năm học 2014-2015;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét học bổng, học phí, trợ cấp khó khăn ngày 31/7/2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các sinh viên được cấp học bổng khuyến khích học tập (HBKKHT) học kỳ II, năm học 2014-2015 là các sinh viên đại học hệ chính quy các khóa 66, 67, 68, 69 có điểm rèn luyện từ mức khá trở lên, không bị kỷ luật trong học kỳ II, năm học 2014-2015

và không còn học phần lần 1 chưa đạt, đồng thời có điểm trung bình học tập lần 1 (thang điểm 4) của học kỳ II, năm học 2014-2015 từ các mức điểm sau đây trở lên:

Khóa 66: 3,61 Khóa 67: 3,68

Khóa 68: 3,41 Khóa 69: 3,81

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2014-2015 được quy định như sau:

Mức học bổng loại khá: 800.000đ/tháng; loại giỏi: 900.000đ/tháng; loại xuất sắc: 1.000.000đ/tháng.

Học bổng học kỳ II, năm học 2014-2015 được cấp trong học kỳ I, năm học 2015-2016.

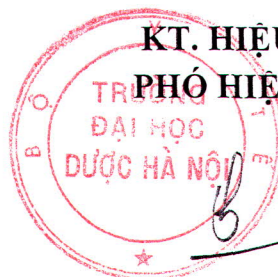
Điều 3. Học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách ưu đãi theo Nghị định 28/CP của Chính phủ, nhận trợ cấp ưu đãi tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

Học sinh, sinh viên thuộc diện hưởng học bổng chính sách, diện trợ cấp xã hội, diện chính sách ưu đãi nếu đạt kết quả học tập, rèn luyện vào diện được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập thì được xét, cấp HBKKHT như những sinh viên khác.

Điều 4. Trưởng các phòng QLSV, ĐT, TCKT và sinh viên các khóa chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Ban giám hiệu;
- Các lớp SV;
- Niêm yết, website;
- Lưu: VT, QLSV, TCKT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Thái Nguyễn Hùng Thu

DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP SINH VIÊN

Học kỳ II, năm học 2014 - 2015

(kèm theo quyết định số 538/QĐ-DHN ngày 31 tháng 7 năm 2015)

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
1	1101577	Trần Văn Tuý	M1K66	3.74	0	87	Giỏi	900,000
2	1101535	Nguyễn Thị Trang	M1K66	3.82	0	95	Xuất sắc	1,000,000
3	1101396	Lê Đình Phương	M1K66	3.78	0	87	Giỏi	900,000
4	1101351	Hoàng Thị Thanh Nga	M1K66	3.71	0	87	Giỏi	900,000
5	1101240	Mai Xuân Hương	M1K66	3.74	0	87	Giỏi	900,000
6	1101212	Vũ Thị An Hòa	M1K66	3.84	0	87	Giỏi	900,000
7	1101166	Ngô Thị Hằng	M1K66	3.61	0	88	Giỏi	900,000
8	1101140	Vũ Thị Thu Hà	M1K66	3.63	0	87	Giỏi	900,000
9	1101119	Doãn Thị Hương Giang	M1K66	3.74	0	88	Giỏi	900,000
10	1101108	Trịnh Thành Đạt	M1K66	3.61	0	87	Giỏi	900,000
11	1101092	Nguyễn Hồng Dương	M1K66	3.62	0	89	Giỏi	900,000
12	1101090	Đoàn ánh Dương	M1K66	3.78	0	97	Xuất sắc	1,000,000
13	1101081	Bùi Thái Dung	M1K66	3.66	0	82	Giỏi	900,000
14	1101027	Thái Thị Hồng Anh	M1K66	3.61	0	87	Giỏi	900,000
15	1101526	Dương Thị Huyền Trang	M2K66	3.68	0	87	Giỏi	900,000
16	1101487	Trần Văn Thắng	M2K66	3.68	0	89	Giỏi	900,000
17	1101485	Nguyễn Văn Thắng	M2K66	3.78	0	89	Giỏi	900,000
18	1101449	Phạm Đức Tân	M2K66	3.62	0	98	Xuất sắc	1,000,000
19	1101388	Đặng Thị Oanh	M2K66	3.66	0	82	Giỏi	900,000
20	1101378	Đặng Thị Nhung	M2K66	3.72	0	96	Xuất sắc	1,000,000
21	1101327	Nguyễn Văn Mạnh	M2K66	3.62	0	89	Giỏi	900,000
22	1101073	Nguyễn Thị Diệp	M2K66	3.82	0	87	Giỏi	900,000
23	1101064	Lê Văn Cường	M2K66	3.63	0	89	Giỏi	900,000
24	1101572	Tổng Thị Thanh Tuyền	M3K66	3.79	0	96	Xuất sắc	1,000,000
25	1101521	Bùi Phúc Tiến	M3K66	3.63	0	96	Xuất sắc	1,000,000
26	1101518	Trần Thị Thúy	M3K66	3.68	0	84	Giỏi	900,000
27	1101481	Nguyễn Thị Thắm	M3K66	3.86	0	97	Xuất sắc	1,000,000
28	1101473	Phan Thị Thu Thảo	M3K66	3.68	0	87	Giỏi	900,000
29	1101398	Lê Thị Minh Phương	M3K66	3.74	0	98	Xuất sắc	1,000,000
30	1101259	Phạm Văn Hùng	M3K66	3.88	0	89	Giỏi	900,000
31	1101232	Lê Văn Hưng	M3K66	3.88	0	87	Giỏi	900,000
32	1101196	Trịnh Thị Hoa	M3K66	3.83	0	88	Giỏi	900,000
33	1101161	Phùng Đức Hạnh	M3K66	3.96	0	100	Xuất sắc	1,000,000
34	1101588	Nguyễn Thị Uyên	N1K66	3.65	0	87	Giỏi	900,000
35	1101457	Võ Nhật Thanh	N1K66	3.72	0	87	Giỏi	900,000
36	1101367	Nguyễn Thị Ngọc	N1K66	3.71	0	92	Xuất sắc	1,000,000
37	1101343	Phạm Thị Lê Na	N1K66	3.67	0	85	Giỏi	900,000
38	1101320	Cao Thị Thanh Mai	N1K66	3.82	0	82	Giỏi	900,000

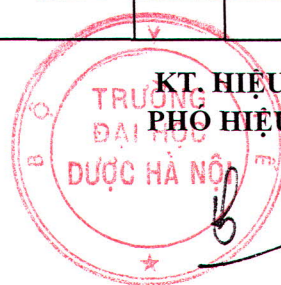
STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp LI không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
39	1101294	Đặng Thuỳ Linh	N1K66	3.74	0	87	Giỏi	900,000
40	1101229	Nguyễn Thị Huyền	N1K66	3.86	0	98	Xuất sắc	1,000,000
41	1101016	Lê Thị Lan Anh	N1K66	3.81	0	99	Xuất sắc	1,000,000
42	1101527	Đặng Thị Huyền Trang	N2K66	3.86	0	92	Xuất sắc	1,000,000
43	1101436	Nguyễn Thị Thuỳ Sao	N2K66	3.85	0	99	Xuất sắc	1,000,000
44	1101429	Nguyễn Thị Quỳnh	N2K66	3.71	0	92	Xuất sắc	1,000,000
45	1101395	Đoàn Thị Phương	N2K66	3.69	0	88	Giỏi	900,000
46	1101369	Trần Thị Ngọc	N2K66	3.89	0	87	Giỏi	900,000
47	1101362	Mai Thị Ngoan	N2K66	3.65	0	97	Xuất sắc	1,000,000
48	1101280	Nguyễn Thị Lan	N2K66	3.79	0	84	Giỏi	900,000
49	1101175	Đỗ Thị Thanh Hiền	N2K66	3.85	0	87	Giỏi	900,000
50	1101169	Phan Thị Hằng	N2K66	3.78	0	95	Xuất sắc	1,000,000
51	1101579	Hoàng Tùng	O1K66	3.68	0	95	Xuất sắc	1,000,000
52	1101276	Lê Thiên Kim	P1K66	3.97	0	100	Xuất sắc	1,000,000
53	1201705	Nguyễn Quốc Việt	M2K67	4.00	0	89	Giỏi	900,000
54	1201696	Nông Thị Bích Vân	M2K67	3.70	0	91	Xuất sắc	1,000,000
55	1201607	Trần Thị Minh Thúy	N2K67	3.72	0	89	Giỏi	900,000
56	1201587	Đỗ Thị Thu	N2K67	3.70	0	87	Giỏi	900,000
57	1201419	Vũ Thị Bích Ngọc	M2K67	3.72	0	89	Giỏi	900,000
58	1201318	Đặng Thị Thuỳ Linh	N2K67	3.83	0	85	Giỏi	900,000
59	1201165	Bùi Thị Hạnh	N2K67	3.80	0	98	Xuất sắc	1,000,000
60	1201566	Nguyễn Thị Thập	N1K67	3.80	0	97	Xuất sắc	1,000,000
61	1201545	Nguyễn Thị Thảo	N1K67	3.72	0	89	Giỏi	900,000
62	1201494	Phạm Thị Quyên	M2K67	3.68	0	87	Giỏi	900,000
63	1201465	Nguyễn Văn Phương	M2K67	3.83	0	89	Giỏi	900,000
64	1201461	Ngô Thị Bích Phương	N1K67	3.90	0	89	Giỏi	900,000
65	1201425	Nguyễn Thị Thu Nhân	M2K67	3.78	0	89	Giỏi	900,000
66	1201401	Nguyễn Thị Ngân	M2K67	3.87	0	92	Xuất sắc	1,000,000
67	1201244	Trịnh Thị Huế	M2K67	3.73	0	87	Giỏi	900,000
68	1201193	Nguyễn Thị Hiền	M2K67	3.77	0	87	Giỏi	900,000
69	1201007	Bùi Thị Phương Anh	M2K67	3.80	0	87	Giỏi	900,000
70	1201006	Lê Thị An	M2K67	3.83	0	91	Xuất sắc	1,000,000
71	1201690	Chu Thị út	P1K67	3.92	0	92	Xuất sắc	1,000,000
72	1201576	Phí Thị Bảo Thoa	M1K67	3.68	0	87	Giỏi	900,000
73	1201522	Bùi Thị Tâm	M1K67	3.78	0	89	Giỏi	900,000
74	1201520	Nguyễn Tùng Sơn	N1K67	3.90	0	97	Xuất sắc	1,000,000
75	1201449	Nguyễn Thị Oanh	N1K67	3.78	0	87	Giỏi	900,000
76	1201440	Lê Thị Huyền Nhung	N1K67	3.68	0	91	Xuất sắc	1,000,000
77	1201333	Nguyễn Văn Linh	N1K67	3.85	0	87	Giỏi	900,000
78	1201278	Nguyễn Thị Thu Hương	M1K67	3.73	0	95	Xuất sắc	1,000,000
79	1201269	Bùi Mai Hương	M1K67	3.80	0	87	Giỏi	900,000
80	1201169	Hồ Thị Thuý Hằng	N1K67	3.78	0	95	Xuất sắc	1,000,000
81	1201155	Nguyễn Thu Hà	N1K67	3.87	0	92	Xuất sắc	1,000,000
82	1201478	Vũ Hồng Phúc	M1K67	3.77	0	88	Giỏi	900,000
83	1201467	Vũ Quỳnh Phương	M1K67	3.75	0	88	Giỏi	900,000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
84	1201327	Nguyễn Khánh Linh	N3K67	3.70	0	93	Xuất sắc	1,000,000
85	1201176	Nguyễn Thị Hằng	M1K67	3.80	0	87	Giỏi	900,000
86	1201088	Lê Thị Duyên	M1K67	3.82	0	87	Giỏi	900,000
87	1201047	Cao Huy Bình	M1K67	3.80	0	95	Xuất sắc	1,000,000
88	1201679	Đào Sơn Tùng	N1K67	3.87	0	92	Xuất sắc	1,000,000
89	1201492	Hoàng Thị Quyên	P1K67	3.85	0	92	Xuất sắc	1,000,000
90	1201444	Lê Thị Bạch Như	N1K67	3.77	0	87	Giỏi	900,000
91	1201398	Hồ Thị Bích Nga	N1K67	3.88	0	87	Giỏi	900,000
92	1201359	Vũ Tấn Lực	M3K67	3.72	0	82	Giỏi	900,000
93	1201274	Lê Thị Lan Hương	M1K67	3.70	0	92	Xuất sắc	1,000,000
94	1201261	Phạm Thị Thu Huyền	N1K67	3.95	0	89	Giỏi	900,000
95	1201248	Hồ Đình Huy	M1K67	3.75	0	87	Giỏi	900,000
96	1201188	Đỗ Thanh Hiền	M1K67	3.75	0	89	Giỏi	900,000
97	1201058	Văn Thị Kim Chi	N1K67	3.92	0	93	Xuất sắc	1,000,000
98	1201641	Trần Thị Thu Trang	N3K67	3.97	0	97	Xuất sắc	1,000,000
99	1201626	Đỗ Thị Thúy Trang	M3K67	3.78	0	87	Giỏi	900,000
100	1201582	Trần Thị Thơm	N3K67	3.95	0	97	Xuất sắc	1,000,000
101	1201563	Nguyễn Văn Thắng	M3K67	3.78	0	95	Xuất sắc	1,000,000
102	1201552	Thái Thị Phương Thảo	N3K67	3.73	0	82	Giỏi	900,000
103	1201383	Nguyễn Văn Minh	P1K67	3.68	0	87	Giỏi	900,000
104	1201200	Vũ Đăng Hiếu	P1K67	3.83	0	94	Xuất sắc	1,000,000
105	1201178	Nguyễn Thúy Hằng	O1K67	3.77	0	93	Xuất sắc	1,000,000
106	1201152	Nguyễn Thị Hà	N3K67	3.90	0	89	Giỏi	900,000
107	1201678	Bùi Đức Tùng	M3K67	3.80	0	87	Giỏi	900,000
108	1201629	Hoàng Thị Huyền Trang	N2K67	3.75	0	89	Giỏi	900,000
109	1201585	Đặng Hoài Thu	N2K67	3.88	0	97	Xuất sắc	1,000,000
110	1201557	Bùi Thị Thẩm	N2K67	3.68	0	87	Giỏi	900,000
111	1201505	Đỗ Đức Quý	M3K67	3.82	0	91	Xuất sắc	1,000,000
112	1201441	Nguyễn Hồng Nhung	N2K67	3.68	0	97	Xuất sắc	1,000,000
113	1201438	Đặng Thị Tuyết Nhung	N2K67	3.82	0	87	Giỏi	900,000
114	1201427	Phạm Thị Nhân	M3K67	3.85	0	92	Xuất sắc	1,000,000
115	1201368	Mạc Thị Mai	N2K67	3.92	0	89	Giỏi	900,000
116	1201258	Nguyễn Thị Huyền	N2K67	3.72	0	87	Giỏi	900,000
117	1201183	Đỗ Minh Hậu	M3K67	3.75	0	87	Giỏi	900,000
118	1201137	Tào Thị Giang	N2K67	3.68	0	90	Xuất sắc	1,000,000
119	1201091	Bạch Văn Dương	N2K67	3.93	0	89	Giỏi	900,000
120	1301468	Bùi Thị Thu Uyên	A1K68	3.48	0	84	Giỏi	900,000
121	1301370	Trương Thị Thanh Thanh	A1K68	3.62	0	97	Xuất sắc	1,000,000
122	1301337	Vũ Thị Kim Phượng	A1K68	3.46	0	86	Giỏi	900,000
123	1301326	Lê Thị Quỳnh Phương	A1K68	3.77	0	86	Giỏi	900,000
124	1301325	Lê Thị Phương	A1K68	3.41	0	89	Giỏi	900,000
125	1301302	Đường Thị Hồng Nhung	A1K68	3.41	0	96	Giỏi	900,000
126	1301301	Đỗ Thị Nhung	A1K68	3.77	0	89	Giỏi	900,000
127	1301279	Lê Đức Mười	A1K68	3.71	0	89	Giỏi	900,000
128	1301070	Nguyễn Thị Thùy Dương	A1K68	3.52	0	93	Giỏi	900,000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
129	1301057	Nguyễn Thị Phương Dung	A1K68	3.73	0	97	Xuất sắc	1,000,000
130	1301489	Nguyễn Thị Yên	A2K68	3.57	0	86	Giỏi	900,000
131	1301488	Dương Hải Yên	A2K68	3.52	0	89	Giỏi	900,000
132	1301473	Chu Phùng Ngọc Việt	A2K68	3.46	0	88	Giỏi	900,000
133	1301456	Đào Thị Thanh Tuyền	A2K68	3.95	0	91	Xuất sắc	1,000,000
134	1301448	Nguyễn Hữu Tuấn	A2K68	3.43	0	88	Giỏi	900,000
135	1301286	Ngô Thị Thanh Nga	A2K68	3.79	0	91	Xuất sắc	1,000,000
136	1301205	Phạm Thị Thu Hương	A2K68	3.46	0	86	Giỏi	900,000
137	1301158	Trần Thị Hoa	A2K68	3.89	0	87	Giỏi	900,000
138	1301146	Đào Cẩm Hiếu	A2K68	3.62	0	91	Xuất sắc	1,000,000
139	1301144	Cao Minh Hiếu	A2K68	3.61	0	87	Giỏi	900,000
140	1301097	Nguyễn Huỳnh Đức	A2K68	3.50	0	87	Giỏi	900,000
141	1301056	Nguyễn Thị Dung	A2K68	3.68	0	94	Xuất sắc	1,000,000
142	1301368	Đỗ Thị Thanh	A3K68	3.52	0	96	Giỏi	900,000
143	1301323	Chu Thị Kim Phương	A3K68	3.45	0	88	Giỏi	900,000
144	1301303	Lương Thùy Nhung	A3K68	3.95	0	89	Giỏi	900,000
145	1301193	Nguyễn Thị Huyền	A3K68	3.73	0	89	Giỏi	900,000
146	1301047	Trần Văn Dân	A3K68	3.75	0	89	Giỏi	900,000
147	1301037	Đinh Thị Chi	A3K68	3.41	0	87	Giỏi	900,000
148	1301437	Ngô Huy Trung	A4K68	3.61	0	87	Giỏi	900,000
149	1301404	Hoàng Phương Thúy	A4K68	3.43	0	90	Giỏi	900,000
150	1301189	Diêm Thị Mến Huyền	A4K68	3.43	0	96	Giỏi	900,000
151	1301178	Nguyễn Văn Huân	A4K68	3.61	0	97	Xuất sắc	1,000,000
152	1301131	Phan Thị Thúy Hằng	A4K68	3.43	0	78	Khá	800,000
153	1301092	Trần Thị Hải Đường	A4K68	3.41	0	90	Giỏi	900,000
154	1301024	Tô Thu Ba	A4K68	3.68	0	96	Xuất sắc	1,000,000
155	1301452	Đỗ Thị Tung	A5K68	3.41	0	85	Giỏi	900,000
156	1301417	Vũ Mạnh Tiến	A5K68	3.45	0	86	Giỏi	900,000
157	1301393	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	A5K68	3.77	0	93	Xuất sắc	1,000,000
158	1301351	Lê Ngọc Quỳnh	A5K68	3.52	0	86	Giỏi	900,000
159	1301322	Bùi Bích Phương	A5K68	3.73	0	87	Giỏi	900,000
160	1301321	Chu Văn Phòng	A5K68	3.73	0	85	Giỏi	900,000
161	1301305	Nguyễn Thị Nhung	A5K68	3.50	0	76	Khá	800,000
162	1301251	Phạm Thị Thanh Loan	A5K68	3.41	0	81	Giỏi	900,000
163	1301232	Đặng Thuý Linh	A5K68	3.41	0	86	Giỏi	900,000
164	1301209	Lê Thu Hường	A5K68	3.84	0	87	Giỏi	900,000
165	1301129	Nguyễn Thị Thanh Hằng	A5K68	3.46	0	81	Giỏi	900,000
166	1301064	Trần Thanh Duyên	A5K68	3.62	0	87	Giỏi	900,000
167	1401681	Lê Đức Việt	A1K69	3.33	0	96	Giỏi	900,000
168	1401444	Phạm Thị Thảo Nguyên	A1K69	2.85	0	84	Khá	800,000
169	1401348	Vũ Thị Ngọc Lan	A1K69	3.19	0	96	Khá	800,000
170	1401316	Trần Thị Hường	A1K69	2.92	0	81	Khá	800,000
171	1401302	Đặng Mai Hương	A1K69	3.21	0	91	Giỏi	900,000
172	1401269	Hồ Thị Thanh Huệ	A1K69	3.17	0	96	Khá	800,000
173	1401215	Nguyễn Thị Thu Hiếu	A1K69	3.04	0	85	Khá	800,000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
174	1401202	Đỗ Thị Hiền	A1K69	3.04	0	82	Khá	800,000
175	1401170	Nguyễn Việt Hà	A1K69	2.96	0	93	Khá	800,000
176	1401683	Văn Quốc Khánh Việt	A2K69	2.98	0	88	Khá	800,000
177	1401653	Lê Công Trục	A2K69	3.46	0	94	Giỏi	900,000
178	1401619	Hoàng Thị Trang	A2K69	2.98	0	83	Khá	800,000
179	1401588	Tạ Thị Thoa	A2K69	2.87	0	89	Khá	800,000
180	1401502	Trương Anh Quân	A2K69	3.25	0	96	Giỏi	900,000
181	1401407	Trần Nhật Minh	A2K69	3.04	0	95	Khá	800,000
182	1401317	Trần Thuý Hương	A2K69	3.38	0	96	Giỏi	900,000
183	1401212	Vũ Thị Thu Hiền	A2K69	3.00	0	87	Khá	800,000
184	1401206	Nguyễn Thị Hiền	A2K69	3.48	0	91	Giỏi	900,000
185	1401198	Vũ Thu Hằng	A2K69	3.19	0	87	Khá	800,000
186	1401180	Nguyễn Thị Hải	A2K69	2.87	0	83	Khá	800,000
187	1401172	Trịnh Thị Việt Hà	A2K69	2.92	0	83	Khá	800,000
188	1401074	Đặng Thanh Chúc	A2K69	2.85	0	88	Khá	800,000
189	1401070	Vũ Linh Chi	A2K69	2.81	0	78	Khá	800,000
190	1401004	Nguyễn Thị An	A2K69	3.48	0	89	Giỏi	900,000
191	1401666	Nguyễn Thị Tuyền	A3K69	3.12	0	96	Khá	800,000
192	1401642	Phạm Văn Trí	A3K69	3.17	0	86	Khá	800,000
193	1401548	Nguyễn Thị Thanh	A3K69	3.42	0	96	Giỏi	900,000
194	1401474	Cao Việt Phương	A3K69	2.83	0	93	Khá	800,000
195	1401431	Lê Minh Ngọc	A3K69	3.50	0	96	Giỏi	900,000
196	1401266	Trần Thị Huế	A3K69	2.96	0	83	Khá	800,000
197	1401184	Trịnh Thu Hải	A3K69	3.38	0	87	Giỏi	900,000
198	1401080	Nguyễn Mạnh Cường	A3K69	3.19	0	88	Khá	800,000
199	1401067	Đỗ Thị Phương Chi	A3K69	3.23	0	91	Giỏi	900,000
200	1401045	Trịnh Thị Vân Anh	A3K69	3.52	0	96	Giỏi	900,000
201	1401017	Đỗ Phương Anh	A3K69	2.88	0	92	Khá	800,000
202	1401700	Ngô Thị Hải Yến	A4K69	2.87	0	91	Khá	800,000
203	1401481	Nguyễn Thị Phương	A4K69	2.83	0	88	Khá	800,000
204	1401429	Đinh Thị Minh Ngọc	A4K69	3.10	0	89	Khá	800,000
205	1401405	Nguyễn Ngọc Minh	A4K69	3.19	0	96	Khá	800,000
206	1401371	Phạm Nguyễn Khánh Linh	A4K69	3.33	0	90	Giỏi	900,000
207	1401368	Nguyễn Thị Linh	A4K69	3.02	0	90	Khá	800,000
208	1401338	Lý Trung Kiên	A4K69	2.90	0	91	Khá	800,000
209	1401280	Đặng Thị Huyền	A4K69	3.56	0	89	Giỏi	900,000
210	1401189	Cao Thị Thu Hằng	A4K69	3.04	0	91	Khá	800,000
211	1401066	Điều Thị Ngọc Châu	A4K69	3.40	0	96	Giỏi	900,000
212	1401065	Điều Minh Châu	A4K69	3.06	0	95	Khá	800,000
213	1401053	Nguyễn Thị ánh	A4K69	3.02	0	93	Khá	800,000
214	1401012	Đàm Mai Anh	A4K69	2.85	0	88	Khá	800,000
215	1401007	Vũ Thị Thanh An	A4K69	3.06	0	88	Khá	800,000
216	1401703	Nguyễn Thị Hải Yến	A5K69	2.88	0	82	Khá	800,000
217	1401560	Hoàng Thị Thu Thảo	A5K69	2.96	0	80	Khá	800,000
218	1401359	Đinh Thùy Linh	A5K69	2.96	0	83	Khá	800,000

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB lần 1	Số hp L1 không đạt	ĐRL	Loại học bổng	Mức học bổng (đ/tháng)
219	1401207	Nguyễn Thị Minh Hiền	A5K69	2.83	0	83	Khá	800,000
220	1401159	Trần Linh Giang	A5K69	2.87	0	91	Khá	800,000
221	1401610	Lê Trần Tiến	A6K69	3.25	0	83	Giỏi	900,000
222	1401555	Võ Nguyên Thành	A6K69	2.98	0	84	Khá	800,000
223	1401549	Nguyễn Thị Thanh	A6K69	3.00	0	80	Khá	800,000
224	1401467	Nguyễn Thị Oanh	A6K69	3.04	0	85	Khá	800,000
225	1401463	Đại Thị Oanh	A6K69	2.96	0	91	Khá	800,000
226	1401441	Võ Thị Ngợi	A6K69	2.92	0	83	Khá	800,000
227	1401345	Vũ Thanh Lam	A6K69	2.96	0	89	Khá	800,000
228	1401227	Đỗ Thị Thanh Hoa	A6K69	3.17	0	92	Khá	800,000
229	1401195	Phan Thị Thuý Hằng	A6K69	3.00	0	91	Khá	800,000
230	1401099	Hồ Thị Dung	A6K69	2.96	0	89	Khá	800,000
231	1401697	Đặng Thị Hải Yến	A7K69	2.94	0	83	Khá	800,000
232	1401660	Nguyễn Văn Tuấn	A7K69	2.87	0	80	Khá	800,000
233	1401640	Vũ Thị Việt Trinh	A7K69	2.88	0	83	Khá	800,000
234	1401627	Nguyễn Thị Trang	A7K69	3.02	0	87	Khá	800,000
235	1401524	Dương Thị Sang	A7K69	2.98	0	83	Khá	800,000
236	1401461	Trần Thị Nữ	A7K69	3.10	0	86	Khá	800,000
237	1401367	Nguyễn Phương Linh	A7K69	3.31	0	88	Giỏi	900,000
238	1401281	Đặng Thị Khánh Huyền	A7K69	3.02	0	85	Khá	800,000
239	1401267	Vũ Thị Phương Huế	A7K69	3.23	0	86	Giỏi	900,000
240	1401257	Lê Minh Hồng	A7K69	2.90	0	92	Khá	800,000
241	1401243	Hà Văn Hoàn	A7K69	3.00	0	91	Khá	800,000
242	1401175	Lê Đình Hải	A7K69	3.40	0	89	Giỏi	900,000
243	1401106	Nguyễn Thị Thùy Dung	A7K69	3.15	0	86	Khá	800,000
244	1401059	Trần Thanh Bình	A7K69	3.00	0	97	Khá	800,000
245	1401027	Nguyễn Kim Anh	A7K69	2.96	0	85	Khá	800,000
246	1401001	Dương Thế An	A7K69	3.10	0	87	Khá	800,000
Tổng								220,600,000



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Thái Nguyễn Hùng Thu